

Số: **976** /QĐ-STNMT

Kon Tum, ngày **24** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 2456/TTr – VPĐKĐĐ, ngày 23/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum (có danh sách kèm theo).

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT(đăng tin);
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

A BYOT

DANH SÁCH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 12 / 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Lê Minh Đạt	CQ 849914	06/06/2019	Đăk Cấm	200	55	293	ONT	CNTP
2	Nguyễn Văn Thanh- Nguyễn Thị Nồng	AO 581567	07/01/2009	Duy Tân	119	32	95.8	ODT	TCTP
3	Trần Ngọc Bích-Hoàng Thị Tuyết	CP 805920	13/12/2018	Duy Tân	156	11	798.4	ODT(200) HNK(598.4)	CNTP
4	Ngô Văn Trông-Nguyễn Thị Bích Phượng	AM 505763	19/4/2008	Quyết Thắng	84	9	63.3	ODT	ĐKTS
5	Nguyễn Ngọc Bích	AA 392270	06/09/2004	Quyết Thắng	171	18	73.4	ODT	ĐKTS
6	Hộ A Yru	U 332410	24/12/2001	Đăk Blà	74	12	4277	ONT(400)+HNK(3 877)	TKTP
7	Nguyễn Thị Hoài	AK 442975	22/01/2008	Vinh Quang	246	1	467.7	ONT(100)+Vườn (367.7)	CĐ